

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lô 45-50B đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Số: 3003/2023/CEN/CVGT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai ngày 30 tháng 03 năm 2023

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty cổ phần Cencon Việt Nam  
Mã chứng khoán : CEN  
Trụ sở chính : Lô 45-50B đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai  
Điện thoại : 0246 285 0292

Căn cứ vào mục 4 điều 11 chương III của thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

Công ty cổ phần Cencon Việt Nam xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 có sự chênh lệch so với Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 do các nguyên nhân sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm		So sánh		Nguyên nhân
		2022	2021	Chênh lệch	% Chênh lệch	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.527.068.452	111.447.959.809	75.079.108.643	167%	Tăng do Công ty mở rộng thị trường, sức tiêu thụ hàng hóa tăng
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	43.539.239	4.421.680	39.117.559	985%	Tăng do thuế GTGT trực tiếp của mảng kinh doanh vàng bạc tăng
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.483.529.213	111.443.538.129	75.039.991.084	167%	Tăng do Công ty mở rộng thị trường, sức tiêu thụ hàng hóa tăng
4	Giá vốn hàng bán	178.551.415.014	101.212.139.409	77.339.275.605	176%	Tăng do tăng lượng hàng hóa bán ra, giá vốn hàng vàng kim khí cao
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.932.114.199	10.231.398.720	-2.299.284.521	78%	Giảm do giá đầu vào hàng đông lạnh cao, bên cạnh đó còn do giá cả thị trường vàng biến động mạnh
6	Doanh thu hoạt động tài chính	29.177.154	4.751.722	24.425.432	614%	Tăng do phát sinh lãi từ tiền gửi NH



STT	Chỉ tiêu	Năm		So sánh		Nguyên nhân
		2022	2021	Chênh lệch	% Chênh lệch	
7	Chi phí tài chính	2.361.446.809	2.077.929.368	283.517.441	114%	Tăng do lãi vay
8	Chi phí bán hàng	1.778.783.000	1.646.998.089	131.784.911	108%	Tăng do mở rộng thị trường sau dịch
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.647.732.227	3.042.613.793	605.118.434	120%	Tăng do tăng chi phí cho nhân viên và các dịch vụ mua ngoài khác.
10	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	173.329.317	3.468.609.192	-3.295.279.875	5%	Giảm do các nguyên nhân nêu trên
11	Thu nhập khác	254.997	73.243.048	-72.988.051	0%	Giảm do năm trước bán thanh lý tài sản
12	Chi phí khác	46.386.770	4.506.419	41.880.351	1029%	Tăng do phát sinh chi phí nộp phạt thuế
13	Lợi nhuận khác	-46.131.773	68.736.629	-114.868.402	-67%	Giảm do các nguyên nhân nêu trên
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.197.544	3.537.345.821	-3.410.148.277	4%	Giảm do các nguyên nhân nêu trên
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	126.089.592	708.235.478	-582.145.886	18%	Giảm do lợi nhuận kế toán trước thuế giảm
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.107.952	2.829.110.343	-2.828.002.391	0%	Giảm do các nguyên nhân nêu trên

Trên đây là các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc biến động về Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 so với năm 2021. Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu KT - TH

**Chủ tịch HĐQT**  
**Đại diện theo pháp luật**



**Trần Mạnh Sơn**